

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2025/DS-ST
Ngày 25-11-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Hải

Bà Nguyễn Huỳnh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Chí Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 461/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Ngọc Đ**, sinh ngày 09/10/1960, có mặt.

Số CCCD 096160009036, cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ cư trú ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, nay là ấp K, xã T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông **Trần Văn K**, sinh ngày 01/01/1957, vắng mặt.

Số CCCD 096057006974.

2. Bà **Lê Thị C**, sinh ngày 15/01/1958, có mặt.

Số CCCD 096158001909.

Cùng địa chỉ cư trú khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, nay là ấp G, xã T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Ngọc Đ trình bày:

Vào ngày 11/3/2016 bà Đ có cho bà Lê Thị C vay 03 cây (lượng) vàng 24k, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, bà C có làm biên nhận nợ.

Từ khi vay đến nay bà C có đóng lãi được 36 triệu đồng.

Nay, bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị C và ông Trần Văn K trả 03 cây (lượng) vàng 24k.

- Đối với bị đơn bà Lê Thị C và ông Trần Văn K vắng mặt, không có giao nộp cho Toà án văn bản thể hiện ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn là bà Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà C và ông K trả 03 cây (lượng) vàng 24k.

- Bị đơn là bà C đồng ý trả cho bà Đ 03 cây (lượng) vàng 24k.

- Bị đơn là ông K vắng mặt.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng, đối với bị đơn ông Trần Văn K vắng mặt, là đã thực hiện không đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, do không chấp hành Giấy triệu tập của Toà án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bà Lê Thị C và ông Trần Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ 30 chỉ vàng 24k, về án phí đề nghị xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về việc chấp hành pháp luật của đương sự:

Bị đơn là ông Trần Văn K đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên, là phù hợp.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn là bà Lê Thị C và ông Trần Văn K có địa chỉ cư trú tại khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, nay là ấp G, xã T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Đ khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị C và ông Trần Văn K trả 03 cây (lượng) vàng 24k.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Đ cung cấp cho Tòa án giấy hỏi vàng ngày 11/3/2016 (bút lục 13), thể hiện bà C có hỏi vay bà Đ 03 cây (lượng) vàng 24k, có chữ ký chữ viết bà C.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C và ông K vắng mặt, không tham gia tố tụng tại Tòa án. Có nghĩa rằng, bà C và ông K từ bỏ quyền phản đối theo khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”.

Cho thấy bà C và ông K không cung cấp được chứng cứ chứng minh có trả xong nợ cho bà Đ 03 cây (lượng) vàng 24k.

Tại phiên tòa hôm nay, bà C có mặt và thừa nhận có nợ bà Đ 03 cây (lượng) vàng 24k đến nay chưa thanh toán, thừa nhận chữ ký của bà C tại giấy hỏi vàng ngày 11/3/2016 do bà Đ cung cấp.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định bà C có nợ bà Đ 03 cây (lượng) vàng 24k, là thực tế.

Xét về trách nhiệm trả nợ, thấy rằng:

Bà Đ yêu cầu ông K là chồng bà C phải có trách nhiệm cùng bà C trả cho bà Đ 03 cây (lượng) vàng 24k.

Thực tế bà C là người trực tiếp giao dịch vay vàng với bà Đ, thể hiện chỉ có bà C ký giấy hỏi vàng ngày 11/3/2016, ông K không có ký tên.

Tuy nhiên, thời điểm này giữa ông K và bà C tồn tại quan hệ hôn nhân, mục đích việc bà C vay vàng của bà Đ nhằm để phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ chồng ông K và bà C, ông K và bà C phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Đ theo quy định tại các điều 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, là phù hợp.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bà C và ông K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đ 30 chỉ vàng 24 kara.

[3] Về án phí:

[3.1] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, nhưng bà Đ không có dự nộp tiền tạm ứng án phí, do thuộc diện người cao tuổi, nên không có đặt ra xử lý.

[3.2] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, nên buộc bà C và ông K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 20.800 ngàn đồng (30 chỉ vàng 24k x 14 triệu đồng/chỉ = 420 triệu đồng = 20 triệu đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 400 triệu đồng/800 ngàn đồng).

Tuy nhiên, do bà C và ông K thuộc diện người cao tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C và ông K vắng mặt, tại phiên toà hôm nay bà C có mặt, yêu cầu xin miễn nộp tiền án phí trường hợp có chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Xét, việc bà C yêu cầu miễn nộp tiền án phí là có cơ sở.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 16 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xét miễn nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch cho bà C và ông K số tiền 20.800 ngàn đồng.

Xét, nhận định và đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 2 của Luật người cao tuổi; Các điều 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Ngọc Đ.

Buộc bị đơn bà Lê Thị C và ông Trần Văn K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Ngọc Đ 30 (ba mươi) chỉ vàng 24 (hai mươi bốn) kara.

2. Về án phí:

Miễn nộp tiền án phí dân sự có giá ngạch cho bà Lê Thị C và ông Trần Văn K số tiền 20.800.000 đồng (Hai mươi triệu tám trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Ngọc Đ và bà Lê Thị C có mặt, được quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với ông Trần Văn K vắng mặt, được quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau (01b);
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang